

Thực trạng hoạt động giáo dục thể chất tại Trung tâm Thể dục thể thao, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Dương Đại Tài*, Cù Văn Hoàng*

*ThS. Trung tâm TDTT, ĐHQG-HCM

Received: 18/9/2024; Accepted: 26/9/2024; Published: 16/10/2024

Abstract: Using regular scientific research methods to evaluate the current state of physical education at the sports center, National University - Ho Chi Minh City as a practical basis for research and propose appropriate solutions. to contribute to improving the effectiveness of physical education at the center.

Keyword: Reality; Physical education work; sports center, National University - Ho Chi Minh City.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục thể chất (GDTC) và thể thao trường học là một phần quan trọng trong mục tiêu giáo dục toàn diện của ngành Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao (TDTT) thường xuyên cho trẻ em, học sinh, sinh viên (SV); gắn GDTC, thể thao trong trường học với giáo dục ý chí, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí lành mạnh cho trẻ em, học sinh, SV, đồng thời, góp phần phát hiện, đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao cho đất nước.

Đại học Quốc gia (ĐHQG) -TP.Hồ Chí Minh là cơ sở GD&ĐT nguồn nhân lực có trình độ cử nhân và sau Đại học, là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực với nhiều trường thành viên. Vì vậy, công tác GDTC tại trung tâm TDTT, ĐHQG -TP.Hồ Chí Minh không thể thiếu và nó cũng đóng góp một phần quan trọng trong hình thành phát triển con người toàn diện. Tuy nhiên, trên thực tế hoạt động GDTC của trường còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế như: Nội dung chương trình môn học còn chưa hợp lý, cơ sở vật chất (CSVC), sân bãi dụng cụ, các phương tiện dạy học còn chưa đáp ứng được nhu cầu của SV...

Nhận thức được điều đó, xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng GDTC cho SV tại trung tâm TDTT, ĐHQG -TP.Hồ Chí Minh, tác giả tiến hành nghiên cứu đề tài: “Đánh giá thực trạng công tác GDTC cho SV tại trung tâm TDTT, ĐHQG -TP.Hồ Chí Minh”

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng chương trình môn học GDTC, đội ngũ GV và CSVC tại trung tâm TDTT, ĐHQG -TP.Hồ Chí Minh

2.1.1. Thực trạng chương trình môn học GDTC tại trung tâm TDTT, ĐHQG -TP.Hồ Chí Minh.

Nội dung chương trình môn học GDTC tại trung tâm TDTT, ĐHQG -TP.Hồ Chí Minh được trình bày tại bảng 2.1.

Bảng 2.1. Chương trình môn học GDTC tại trung tâm TDTT, ĐHQG -TP.Hồ Chí Minh (2023 - 2024)

TT	Nội dung giảng dạy	Học kỳ		
		I	II	III
1	Lý thuyết chung	2	2	
2	Lý thuyết chuyên môn	4	4	3
3	Thể dục tay không	4		
4	Sport Aerobic	8		
5	Kỹ thuật đẩy tạ	8		
6	Kỹ thuật nhảy xa		4	
7	Kỹ thuật chạy cự ly ngắn		8	
8	Kỹ thuật chạy cự ly trung bình (800m nữ - 1500m nam)		8	
9	Kỹ thuật bóng chuyền hoặc kỹ thuật cầu lông			24
10	Kiểm tra	4	4	3
	Tổng cộng	30	30	30

Qua bảng 2.1 cho thấy, chương trình môn học GDTC tại trung tâm TDTT, ĐHQG -TP.Hồ Chí Minh đã được thực hiện theo đúng số tiết của Bộ GD&ĐT quy định. Tuy nhiên, các bộ môn thuộc trung tâm TDTT, ĐHQG -TP.Hồ Chí Minh chưa thực hiện một cách triệt để, nhất là việc sắp xếp nội dung môn học ở mỗi học phần. Do vậy, song song với việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực, cũng như vận dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy và học thì việc đổi mới nội dung, chương trình cần thiết và cấp bách.

2.1.2. Về đội ngũ GV

Thực trạng đội ngũ GV GDTC tại trung tâm TDTT, ĐHQG -TP.Hồ Chí Minh được trình bày ở bảng 2.2.

Bảng 2.2. Thực trạng đội ngũ GV GDTC tại trung tâm TDTT, ĐHQG -TP.Hồ Chí Minh

	Giới tính		Trình độ		Chức danh		Tuổi đời		Đại học chính Quy
	Nam	Nữ	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Trợ Giảng	Giảng viên	>40	< 40	
Số lượng	16	4	2	14	1	19	12	8	0

Từ kết quả của bảng 2.2 cho thấy: Số lượng GV GDTC tại trung tâm TDTT, ĐHQG -TP.Hồ Chí Minh vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của nhà trường, mỗi

GV giảng dạy trên 800 tiết/1 năm do đó hiệu quả của chất lượng và yêu cầu về GDTC cho SV tại trung tâm TDDT, ĐHQG - TP.Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay là chưa cao. Trình độ của đội ngũ GV có tăng lên nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi của công tác giảng dạy cũng như phong trào TDDT tại trung tâm TDDT, ĐHQG - TP.Hồ Chí Minh.

2.1.3. Về CSVC

Số lượng và chất lượng CSVC, sân tập, dụng cụ tập luyện TDDT của tại trung tâm TDDT, ĐHQG - TP.Hồ Chí Minh. Kết quả được trình bày ở bảng 2.3.

Bảng 2.3. Thực trạng CSVC phục vụ công tác GDTC tại trung tâm TDDT, ĐHQG - TP.Hồ Chí Minh

TT	Loại sân bãi	Số lượng	Chất lượng	Đáp ứng nhu cầu tập luyện
1	Sân bóng đá 60 x 90	01	TB	25%
2	Sân bóng đá mi ni	02	TB	30%
3	Bàn bóng bàn	04	TB	50%
4	Sân bóng chuyền	02	TB	40%
5	Sân cầu lông	04	TB	50%
6	Sân điền kinh	02	Khá	70%
7	Xà lạch, xà kép	08	TB	50%

Từ bảng 2.3 cho thấy: CSVC phục vụ cho việc dạy học GDTC cũng như hoạt động tập luyện và thi đấu của nhà trường còn nhiều hạn chế, nhất là khi số lượng SV đào tạo tăng lên nhanh, mật độ giảng dạy lớn dẫn đến sân bãi, dụng cụ không đáp ứng kịp. Vì vậy cho thấy sự cần thiết phải tăng cường, xây dựng thêm sân bãi để dẫn mật độ giảng dạy, đảm bảo cho SV học tập có kết quả tốt cũng như dành thời gian, sân bãi phục vụ các hoạt động TDDT ngoại khoá của SV.

2.2. Thực trạng kết quả học tập môn GDTC và trình độ thể lực của SV tại trung tâm TDDT, ĐHQG - TP.Hồ Chí Minh

2.2.1. Về kết quả học tập môn GDTC

Để đánh giá kết quả học tập GDTC của SV tại trung tâm TDDT, ĐHQG - TP.Hồ Chí Minh, đề tài tiến hành khảo sát và thống kê kết quả học tập năm học 2022-2023 và năm học 2023-2024 của SV. Kết quả trình bày tại bảng 2.4.

Bảng 2.4. Kết quả học tập môn GDTC của SV tại trung tâm TDDT, ĐHQG - TP.Hồ Chí Minh (Đại học Khoa học tự nhiên (KHTN))

Khóa	Năm học	Số lượng	Kết quả							
			Giỏi		Khá		Trung bình		Không đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
12	2012 – 2023	2687	167	6.2	895	33.3	1306	48.6	119	11.9
13	2023 – 2024	2823	212	7.5	990	35.1	1347	47.7	274	9.7

Đặc thù của trường ĐH KHTN thuộc ĐHQG – TP.Hồ Chí Minh đa phần là SV nữ chiếm khoảng 60%

còn lại là SV nam. Thông qua bảng 2.3 và 2.4 nhận thấy tỷ lệ SV có kết quả học tập đạt giỏi chiếm tỷ lệ % còn ít, chiếm tỷ lệ thấp nhất đó là năm học 2022 - 2023, tỷ lệ đạt giỏi chỉ có 6.2%, tỷ lệ đạt khá là 33.3, số SV đạt điểm trung bình chiếm 48.6% và tỷ lệ không đạt chiếm tỷ lệ cao nhất 11.9%. Đến năm học 2023 - 2024 tỷ lệ SV chỉ đạt điểm trung bình vẫn chiếm tỷ lệ cao 47.7%

Như vậy, có thể thấy được số lượng SV đạt điểm từ trung bình trở xuống là tương đối cao. Số SV không đạt vẫn còn nhiều có thể do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau như tình trạng sức khỏe, động cơ tham gia tập luyện TDDT, nhận thức của SV về công tác GDTC và TDDT chưa cao, dẫn đến ý thức kém trong học tập chính khoá và tập luyện ngoại khoá.

2.2.2. Thực trạng thể lực của SV trường ĐH KHTN thuộc ĐHQG – TP.Hồ Chí Minh.

Để đánh giá thể lực chung của SV Trường ĐH KHTN, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, đề tài sử dụng 4/6 test đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thể lực học sinh, SV theo các quy định tại Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ GD&ĐT. Đối tượng kiểm tra là SV nam, nữ của các khoá K13. Kết quả được trình bày ở bảng 2.5 và bảng 2.6.

Bảng 2.5. Thực trạng thể lực của SV ĐH KHTN thuộc ĐHQG – TP.Hồ Chí Minh.

Giới tính	Nội dung	Chỉ tiêu	Số người đạt	Tỷ lệ %	Số người không đạt	Tỷ lệ %
Nam n=389	Chạy 30m XPC	5.10	318	81.75	71	18.25
	Bật xa tại chỗ (cm)	220	352	90.49	37	9.51
	Chạy con thoi 4x10m	12.50	317	81.49	72	18.51
	Chạy tùy sức 5 phút (m)	860	353	90.75	36	9.25
Nữ n=109	Chạy 30m XPC	5,80	95	87.16	14	12.84
	Bật xa tại chỗ (cm)	167	97	88.99	12	11.01
	Chạy con thoi 4x10m	14.10	66	60.55	43	39.45
	Chạy tùy sức 5 phút (m)	780	82	75.23	27	24.77

Bảng 2.6. Kết quả tổng hợp xếp loại thể lực SV trường ĐH KHTN thuộc ĐHQG – TP.Hồ Chí Minh.

Giới tính	Giỏi		Khá		Đạt		Không đạt	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Nam (n=389)	31	7.97	72	18.51	160	41.13	126	32.39
Nữ (n=109)	9	8.26	17	15.60	53	48.62	30	27.52

Từ kết quả ở bảng 2.5 và bảng 2.6 cho thấy: Nhìn chung, tỷ lệ SV không đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thể lực SV còn khá cao chiếm tỷ lệ từ 27.52% đến 32.39%. Điều đó phản ánh một thực tế khách quan rằng: chỉ khi nào SV tham gia học tập GDTC và tập luyện TDDT thì trình độ thể lực được tăng lên và thành tích cũng tăng lên theo.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới công tác GDTC của ĐH KHTN thuộc ĐHQG – TP.Hồ Chí Minh.

Để xác định được các yếu tố chính ảnh hưởng tới hiệu quả GDTC trong ĐH KHTN thuộc ĐHQG – TP.Hồ Chí Minh, đề tài tiến hành phỏng vấn các giáo viên trực tiếp giảng dạy môn GDTC, các cán bộ quản lý cấp khoa, trường, thông qua các mức độ đối với các yếu tố ảnh hưởng. Kết quả được trình bày tại bảng 2.7.

Bảng 2.7. Các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả công tác GDTC tại ĐH KHTN thuộc ĐHQG – TP.Hồ Chí Minh (n=30)

TT	Nội dung	Trả lời	
		n	%
1	Nhận thức về vị trí, vai trò của GDTC trong cán bộ quản lý, GV và SV nhà trường	27	90.00
2	CSVC, sân bãi dụng cụ dành cho GDTC	28	93.33
3	Chất lượng và số lượng đội ngũ GV GDTC	26	86.67
4	Chế độ, chính sách dành cho những người làm công tác GDTC trong nhà trường	25	83.33
5	Nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy môn học	29	96.67
6	Công tác hướng dẫn TDTT ngoại khóa cho SV	24	80.00
7	Kinh phí dành cho các hoạt động tập luyện và thi đấu TDTT	25	83.33
8	Ý thức học tập của SV...	26	86.67

Kết bảng 2.7 cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả công tác GDTC cụ thể như sau:

- Nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy môn học (96.6%)
- CSVC, sân bãi dụng cụ dành cho GDTC (93.3%)
- Nhận thức về vị trí, vai trò của GDTC trong cán bộ quản lý, GV, SV (90.0%).
- Ý thức học tập, nhu cầu thái độ của SV (86.67%).
- Chất lượng và số lượng đội ngũ GV GDTC (86.67%)
- Kinh phí dành cho các hoạt động tập luyện và thi đấu TDTT (83.33%)
- Chế độ, chính sách dành cho những người làm công tác GDTC tại trung tâm TDTT thuộc ĐHQG – TP.Hồ Chí Minh (83.33%).
- Công tác hướng dẫn ngoại khóa các môn thể thao cho SV (80.0%)

Qua kết quả phỏng vấn có tỷ lệ chọn rất quan trọng và quan trọng khá cao, đặc biệt là không có lựa chọn không quan trọng. Chứng tỏ các yếu tố trên có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động GDTC, tại trung tâm TDTT thuộc ĐHQG – TP.Hồ Chí Minh, từ đó phân tích thực trạng và định hướng tìm ra được nguyên nhân để khắc phục những khó khăn hạn chế còn tồn tại.

4. Kết luận

- Chương trình môn học GDTC ĐH KHTN thuộc

ĐHQG – TP.Hồ Chí Minh đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên, chưa thực hiện một cách triệt để, vì vậy cần có sự đổi mới nội dung, chương trình môn học. Số lượng GV vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu về công tác GDTC của nhà trường trong giai đoạn hiện nay. CSVC phục vụ cho công tác GDTC của nhà trường còn nhiều hạn chế, cần tăng cường, bổ sung thêm sân bãi, dụng cụ học tập để đảm bảo cho SV học tập có kết quả tốt cũng như phục vụ các hoạt động TDTT ngoại khóa của SV.

- Số lượng SV có kết quả học tập môn GDTC và kết quả xếp loại thể lực theo tiêu chuẩn RLTL của Bộ GD&ĐT ở mức trung bình trở xuống là tương đối cao. Nguyên nhân chủ yếu là do: tình trạng sức khỏe, động cơ tham gia tập luyện TDTT, nhận thức của SV về công tác GDTC và TDTT chưa cao.

- Các yếu tố ảnh hưởng tới công tác GDTC ĐH KHTN thuộc ĐHQG – TP.Hồ Chí Minh là: Nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy môn học; CSVC, sân bãi dụng cụ dành cho GDTC; Nhận thức về vị trí, vai trò của GDTC trong cán bộ quản lý, GV, SV; Ý thức học tập, nhu cầu thái độ của SV; Chất lượng và số lượng đội ngũ giáo viên GDTC; Kinh phí dành cho các hoạt động tập luyện và thi đấu TDTT; Chế độ, chính sách dành cho những người làm công tác GDTC tại trung tâm TDTT thuộc ĐHQG – TP.Hồ Chí Minh; Công tác hướng dẫn ngoại khóa các môn thể thao cho SV.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT (2022), *Quy chế giáo dục thể chất và thể thao trường học*.
2. Bộ GD-ĐT (2008), “*Quy định tổ chức hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho học sinh, SV*”. Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2008 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT.
3. Ủy ban Thể dục thể thao, “*Quyết định số 1589/2003/QĐ-UBTDTT ngày 19/09/2003 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao ở cơ sở*” của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban TDTT.
4. Nguyễn Kỳ Anh - Vũ Đức Thu (1994), “*Những giải pháp thực thi nhằm cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong các trường đại học*”. Tuyển tập Nghiên cứu khoa học thể dục thể thao. NXB Thể dục thể thao.
5. Lê Trường Sơn Chân Hải (2003), “*Tổ chức hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa các môn thể thao như một biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho SV Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*”. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.